

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

## TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Dự thảo Nghị định) như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

#### 1. Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Xây dựng và hoàn thiện các quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) được Đảng và Nhà nước quan tâm, chỉ đạo trong các văn bản sau đây:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định: “Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, ...; Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo”; “Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh”;

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra nhiệm vụ: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số”*; *“Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số”*;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định: *“Tiếp tục có cơ chế, chính sách ưu đãi, đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia theo mô hình tiên tiến trên thế giới.”*;

- Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã đề ra nhiệm vụ: *“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; triển khai đồng bộ các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đến năm 2030. Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là đột phá chiến lược, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.*

*Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm từ 2% tổng chi ngân sách trở lên theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; thống kê, tổng hợp số liệu, kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ tại các cơ quan, địa phương. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục thanh, quyết toán kinh phí nghiên cứu khoa học, mở rộng cơ chế giao khoán sản phẩm...Giải quyết hiệu quả các*

*vướng mắc để giải phóng tối đa nguồn lực từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thúc đẩy nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo”;*

- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế - xã hội, tại khoản 4 Mục IV Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ “*Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo... Nghiên cứu, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học công nghệ*”;

- Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2026, tại điểm h khoản 1 phần A mục III của Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ: “*...nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*”;

- Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 06/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp đổi mới hoạt động của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy nguồn lực đầu tư của 19 tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trực thuộc, tại khoản 6 Chỉ thị đề ra nhiệm vụ: “*Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để tạo điều kiện thực hiện đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*”;

- Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP trước 31/6/2024 tại các văn bản số 9431/VPCP-KTTH ngày 30/11/2023 và 185/VPCP-KTTH ngày 09/01/2024.

## **2. Tháo gỡ vướng mắc, bất cập, điều chỉnh chính sách để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp**

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP) của 68 Bộ, ngành, địa phương và 05 doanh nghiệp theo đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 1977/BKHCN-KHTC ngày 04/8/2022 và Công văn số 2386/BKHCN-KHTC ngày 08/9/2022, Bộ KH&CN đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tại Công văn số 3799/BKHCN-KHTC ngày 24/10/2023 về việc báo cáo thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ và Công văn số 4801/BKHCN-KHTC ngày 15/12/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Sau gần 10 năm thực hiện chính sách về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã đạt được kết quả nhất định và về cơ bản không phát sinh vướng mắc lớn cần thay thế. Tuy nhiên, việc sửa đổi Nghị định số 95/2014/NĐ-CP xuất phát từ một số bất cập trong thực hiện đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và sự thay đổi của pháp luật có liên quan. Một số nội dung còn bất cập, chưa phù hợp về đầu tư và cơ chế tài chính hiện hành cụ thể như sau:

- Về đầu tư cho hoạt động KH&CN: Phân bổ vốn đầu tư còn chùng chéo, dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN, nhất là các tổ chức sự nghiệp KH&CN công lập chưa phù hợp dẫn đến các đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc trong quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Quy định về chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ (*điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*) và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (*điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*) còn có sự phân định chưa thật sự rõ ràng giữa chi tăng cường năng lực nghiên cứu sử dụng nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển và chi mua sắm máy móc, trang thiết bị sử dụng nguồn chi sự nghiệp KH&CN. Theo ý kiến của Kiểm toán Nhà nước<sup>1</sup>, một số dự

---

<sup>1</sup> Công văn số 324/KTTN-CNIII ngày 20/3/2024 của Kiểm toán Nhà nước về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

án tăng cường năng lực nghiên cứu của tổ chức khoa học là mua sắm máy móc thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, trong khi đó việc thực hiện các thủ tục phê duyệt dự án đầu tư đòi hỏi mất nhiều thời gian, nguồn lực và phải nằm trong kế hoạch trung hạn, vì vậy dẫn đến không đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ vốn là đối tượng có sự biến động và thay đổi nhanh chóng, đặc biệt trong bối cảnh của cách mạng công nghiệp 4.0 và phát triển các công nghệ mới trong bối cảnh chuyển đổi số. Do vậy, Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần được xem xét xác định lại các nội dung chi đầu tư phát triển khoa học công nghệ và chi thường xuyên sự nghiệp khoa học và công nghệ cho phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật Đầu tư công nhằm tháo gỡ vướng mắc, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của bộ, ngành, địa phương trong việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp khoa học và công nghệ để mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Về cơ chế quản lý tài chính cho nhiệm vụ KH&CN: Quy định về xây dựng dự toán và kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN hiện nay dù đã đổi mới nhưng chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN về tính mới, tính đột xuất, độ trễ và tính rủi ro trong nghiên cứu, chưa đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của cộng đồng khoa học.

- Về trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp: các quy định về việc khuyến khích trích lập và sử dụng Quỹ chưa đủ hấp dẫn doanh nghiệp, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp thể hiện ở hiện trạng số lượng doanh nghiệp trích lập Quỹ chưa nhiều và số dư Quỹ chưa sử dụng lớn.

Quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cho phép doanh nghiệp được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để “*mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp*”. Tuy nhiên, thời gian hiệu lực của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về cơ bản không đủ thời gian để doanh nghiệp triển khai, thực hiện mua máy móc, thiết bị đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp sản xuất kinh doanh.

Theo ý kiến của Tổ Công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về việc triển khai Nghị quyết Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XV về xem xét, xử lý kết quả hệ thống văn bản quy phạm pháp luật<sup>2</sup>: Trên thực tế nhu cầu và quy mô đầu tư, phát triển KH&CN của doanh nghiệp nhà nước là khác nhau tại từng doanh nghiệp và tại từng thời điểm cụ thể. Do đó, việc quy định doanh nghiệp nhà nước bắt buộc phải trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (*tối thiểu 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp*) là chưa thực sự phù hợp. Tổ Công tác kiến nghị sửa đổi, bổ sung

<sup>2</sup> Tại Công văn số 727/TCT ngày 06/02/2024 của Tổ công tác.

Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng khuyến khích (không bắt buộc) doanh nghiệp nhà nước phải trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để tháo gỡ vướng mắc thực tế cho doanh nghiệp.

- Một số nội dung khác được báo cáo cụ thể tại Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (kèm theo Tờ trình này).

Vì vậy, để thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật KH&CN, tháo gỡ các tồn tại, hạn chế và đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong quá trình thực hiện cơ chế tài chính và đầu tư đối với hoạt động KH&CN, Bộ KH&CN nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

- Thể chế hóa các chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới cơ chế tài chính và đầu tư đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

- Đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành.

- Nâng cao hiệu quả và đóng góp của hoạt động khoa học và công nghệ trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định**

a) Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, cũng như các chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các chủ thể trong quá trình quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN.

c) Kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP còn phù hợp, đồng thời khắc phục được tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Về việc lập đề nghị xây dựng Nghị định**

- Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định: “1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

2. Các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ”.

- Tại khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “1. Đề nghị xây dựng nghị định được áp dụng đối với việc xây dựng, ban hành nghị định quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật này”.

- Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP thuộc trường hợp điều chỉnh tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ KH&CN đã lập đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bộ KH&CN đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tại Công văn số 3799/BKH&CN-KHTC ngày 24/10/2023 về việc báo cáo thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ.

- Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP trước 31/6/2024 tại các văn bản số 9431/VPCP-KTTH ngày 30/11/2023, 185/VPCP-KTTH ngày 09/01/2024 và đưa vào Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ KH&CN đã có văn bản số 352/BKH&CN-KHTC ngày 02/02/2024 gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến về sự cần thiết lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Ngày 14/3/2024, Bộ Tư pháp đã có văn bản số 1293/BTP-VĐC&DPL về việc lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP với ý kiến như sau: việc xây dựng, ban hành nghị định sửa đổi, bổ sung này thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì phải xây dựng đề nghị xây dựng nghị định. Hồ sơ đề

ngợi xây dựng được thực hiện theo khoản 1 Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bộ KH&CN đã có Tờ trình số 942/TTr-BKHCN ngày 22/3/2024 gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

- Ngày 06/5/2024, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 3048/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái về việc bổ sung ý kiến tham gia của các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Ngoại giao và cơ quan liên quan; khẩn trương chủ trì, tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

- Bộ KH&CN đã có văn bản số 1543/BKHCN-KHTC ngày 09/5/2024 xin ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP gửi các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Ngoại giao.

- Trên cơ sở ý kiến của các Bộ: Bộ Nội vụ tại văn bản số 2747/BNV-PC ngày 17/5/2024 tham gia ý kiến bổ sung đối với Hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ; Bộ Ngoại giao tại văn bản số 2976/BNG-HVNG góp ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP; Bộ Tài chính tại văn bản số 6349/BTC-HCSN ngày 20/6/2024 góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và ý kiến đóng góp của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; doanh nghiệp về hồ sơ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tại Công văn số 578/BKHCN-KHTC ngày 28/02/2024<sup>3</sup>, Bộ KH&CN đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tại Tờ trình số 2088/TTr-BKHCN ngày 20/6/2024.

- Ngày 24/7/2024, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 5273/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế

---

<sup>3</sup> Bộ KH&CN đã ký Công văn số 578/BKHCN-KHTC ngày 28/02/2024 về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; doanh nghiệp. Bộ KH&CN đã thực hiện đăng toàn văn nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ KH&CN trong 60 ngày. Bộ KH&CN đã nhận được 80 ý kiến, trong đó 26 ý kiến của bộ, ngành, cơ quan trung ương; 46 địa phương và 8 tập đoàn, tổng công ty.

tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ như đề nghị của Bộ KH&CN tại văn bản số 2088/TTr-BKHHCN.

## **2. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định**

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ KH&CN đã triển khai các công việc sau:

- Ngày 16/6/2022, Bộ KH&CN đã có Công văn số 1381/BKHHCN-KHTC báo cáo về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo Nghị quyết số 68/NQ-CP.

- Bộ KH&CN tại Công văn số 1977/BKHHCN-KHTC ngày 04/8/2022 và Công văn số 2386/BKHHCN-KHTC ngày 08/9/2022 gửi các Bộ, ngành, địa phương và một số doanh nghiệp đề nghị đánh giá tình hình thực hiện nghị định số 95/2014/NĐ-CP, trên cơ sở đó đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP của 68 Bộ, ngành, địa phương và 05 doanh nghiệp theo đề nghị của Bộ KH&CN nêu trên, Bộ KH&CN đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tại Công văn số 3799/BKHHCN-KHTC ngày 24/10/2023 về việc báo cáo thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ.

- Bộ KH&CN đã có văn bản số 4801/BKHHCN-KHTC ngày 15/12/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- Bộ KH&CN đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo Quyết định số 2412/QĐ-BKHHCN ngày 24/10/2023.

- Ngày 21/02/2024 Ban soạn thảo và Tổ biên tập đã họp cho ý kiến về dự thảo Nghị định.

- Bộ KH&CN đã có Công văn số 578/BKHHCN-KHTC ngày 28/02/2024 gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội; Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam; Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước; Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam và Thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập về dự thảo Nghị định. Đồng thời đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức,

cá nhân về dự thảo Nghị định. Bộ KH&CN đã nhận được ý kiến của 80 cơ quan, tổ chức.

- Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tại văn bản số 5273/VPCP-KTTH ngày 24/7/2024, Bộ KH&CN đã có Công văn số .../BKHCN-KHTC ngày .../.../2024,) gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và doanh nghiệp. Đồng thời đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định. Bộ KH&CN đã nhận được ý kiến của ... cơ quan, tổ chức. Về cơ bản các ý kiến đều nhất trí với dự thảo Nghị định. Ngoài ra, còn có thêm ý kiến để hoàn thiện dự thảo Nghị định. Bộ KH&CN lập Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Nghị định (Báo cáo được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN theo quy định).

- Ngày..., Bộ KH&CN đã có công văn số gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định.

- Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Báo cáo tiếp thu, giải trình kèm theo), Bộ KH&CN hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

##### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị định gồm 03 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN. Điều 1 gồm 10 khoản hướng dẫn chi tiết thi hành.

- Điều 2. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ. Điều 2 gồm 2 khoản.

- Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành. Điều 3 gồm 2 khoản hướng dẫn chi tiết thực hiện.

##### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

Bám sát các mục tiêu và quan điểm xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nêu trên, Bộ KH&CN đã thực hiện rà soát toàn bộ các quy định của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để xây dựng Nghị định sửa đổi,

bổ sung. Theo đó, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại 4 Điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP hiện hành, cụ thể: Điều 4, Điều 5, Điều 9 và Điều 10.

- Bãi bỏ 02 khoản tại Điều 5 và Điều 9 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP hiện hành.

- Bổ sung 02 nội dung về: (i) Nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và nội dung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ để duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; (ii) Quy định về việc áp dụng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng (dự kiến ban hành trong năm 2024).

Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung, dự thảo Nghị định bám sát 03 chính sách tại Hồ sơ đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua, bao gồm: (i) Hoàn thiện quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN; (ii) Hoàn thiện quy định về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN; (iii) Hoàn thiện quy định về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu tại dự thảo Nghị định cụ thể như sau:

### ***2.1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 4 nội dung chi NSNN cho KH&CN***

2.1.1. Để đảm bảo phân định rõ về phạm vi, tiêu chí, đối tượng điều chỉnh, tổng mức đầu tư giữa dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, máy móc để phân định ranh giới giữa các dự án thực hiện từ nguồn kinh phí đầu tư công với các nhiệm vụ được sử dụng từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của Luật NSNN và Luật Đầu tư công, dự thảo Nghị định cụ thể hóa quy định về chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ (*điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*) và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (*điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*). Cụ thể như sau:

Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung dự kiến tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau: “*a) Chi đầu tư cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện dự án xây dựng mới; dự án cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua*

**tài sản, mua trang thiết bị của dự án; dự án tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; trạm, trại thực nghiệm; phòng tiêu bản, phòng trưng bày, lưu giữ mẫu; cơ sở phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ; tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; trung tâm đổi mới sáng tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.”**

Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tại điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau:

“m) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ cho:

- Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo duy trì công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của tài sản công;

- Chi để thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, nâng cấp công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của trang thiết bị nghiên cứu (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, cần phải thực hiện ngay trong năm ngân sách;

- Chi để thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm tài sản, trang thiết bị chuyên dùng của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.”

2.1.2. Để thống nhất với đề xuất bổ sung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Bộ KH&CN đề xuất bổ sung nội dung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ để duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Nội dung đề xuất bổ sung quy định tại điểm n0 tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau: “n0) Các khoản chi nhằm bảo đảm và duy trì của trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;”

2.1.3. Để đảm bảo thống nhất với quy định về NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao và kinh phí được NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Bộ KH&CN đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau:

“b) Chi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ được cấp có thẩm quyền ban hành do Nhà nước bảo đảm kinh phí và bảo đảm một phần kinh phí; kinh phí chi thường xuyên hoặc hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm

*vụ Nhà nước giao hoặc đặt hàng; kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.”*

2.1.4. Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhằm làm rõ việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chất lượng cao thuộc các danh mục có uy tín so với quy định trước đây “*k) Hỗ trợ... công bố kết quả nghiên cứu khoa học; ...*”. Cụ thể như sau: “*k) Hỗ trợ đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chất lượng cao thuộc các danh mục có uy tín hoặc in thành sách, chương sách được nhà xuất bản có uy tín xuất bản<sup>4</sup>; khen thưởng, giải thưởng khoa học và công nghệ;”*

## **2.2. Bổ sung và bãi bỏ các quy định về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN**

2.2.1. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Luật NSNN, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định mức phân bổ chi thường xuyên, chi đầu tư NSNN áp dụng cho mỗi thời kỳ ổn định ngân sách. Do vậy, Bộ KH&CN đề xuất bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP: “*4. Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ.*”

2.2.2. Đề thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 1 của dự thảo Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, Bộ KH&CN đề xuất bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau:

*“5. Đối với các nội dung, nhiệm vụ chi thường xuyên được quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 của Nghị định này bao gồm:*

*- Chi để thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, nâng cấp công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của trang thiết bị nghiên cứu (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, cần phải thực hiện ngay trong năm ngân sách;*

*- Chi để thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm tài sản, trang thiết bị chuyên dùng của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;*

<sup>4</sup> Công văn số 3827/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 20/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

*Các cơ quan, tổ chức áp dụng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí chi thường xuyên quy định tại Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày .../.../2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.”*

### **2.3. Sửa đổi, bổ sung các quy định về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp**

2.3.1. Nhằm đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác; giảm các ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP; và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Khoa học và Công nghệ, Bộ KH&CN đề xuất sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau: “1. *Doanh nghiệp nhà nước, căn cứ vào nhu cầu hoạt động khoa học và công nghệ và khả năng sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ hàng năm, tự xác định tỷ lệ trích lập Quỹ từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập năm để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.*”

2.3.2. Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP: “3. *Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định khuyến khích doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ cho doanh nghiệp và cho ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.*”

2.3.3. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về nội dung chi của Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp như sau:

2.3.3.1. Bộ KH&CN đề xuất sửa đổi nội dung chi quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP để tiếp tục triển khai quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: “c) *Mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.*”

2.3.3.2. Bổ sung quy định cho phép các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III: “*Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*”; đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP: “*...nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để*

*thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo” và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg: “Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để tạo điều kiện thực hiện đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”.*

Cụ thể nội dung đề xuất bổ sung tại điểm i khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau:

*“i) Chi cho đầu tư hình thành và duy trì hoạt động của các cơ sở ươm tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; đặt hàng mua các sản phẩm đổi mới sáng tạo; sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp nhà nước để đầu tư mạo hiểm, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.”*

2.3.3.3. Bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp “d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nới lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp”. Cụ thể nội dung đề xuất bổ sung tại điểm k khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau:

*“k) Chi cho hoạt động chuyển đổi số của doanh nghiệp.”*

## **V. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

*(Nội dung này sẽ tổng hợp, báo cáo sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).*

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị định; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định; Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).*

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&CN: Vụ Pháp chế, VP Bộ;
- Lưu: VT, KHTC.

**BỘ TRƯỞNG****Huỳnh Thành Đạt**

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2024/NĐ - CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**Dự thảo 1**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

**1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 như sau:**

*“a) Chi đầu tư cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện dự án xây dựng mới; dự án cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án; dự án tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; trạm, trại thực nghiệm; phòng tiêu bản, phòng trưng bày, lưu giữ mẫu; cơ sở phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ; tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; trung tâm đổi mới sáng tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.”*

## **2. Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:**

“b) Chi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ được cấp có thẩm quyền ban hành do Nhà nước bảo đảm kinh phí và bảo đảm một phần kinh phí; kinh phí chi thường xuyên hoặc hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao hoặc đặt hàng; kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.”

## **3. Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 Điều 4 như sau:**

“k) Hỗ trợ đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, công bố kết quả nghiên cứu khoa học **trên các tạp chí khoa học chất lượng cao thuộc các danh mục có uy tín hoặc in thành sách, chương sách được nhà xuất bản có uy tín xuất bản; khen thưởng, giải thưởng khoa học và công nghệ;**”

## **4. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 như sau:**

“m) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ cho:

- Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo duy trì công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của tài sản công;

- Chi để thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, nâng cấp công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của trang thiết bị nghiên cứu (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, cần phải thực hiện ngay trong năm ngân sách;

- Chi để thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm tài sản, trang thiết bị chuyên dùng của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.”

## **5. Bổ sung điểm n0 khoản 2 Điều 4 như sau:**

“n0) Các khoản chi nhằm bảo đảm và duy trì của trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;”

## **6. Bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:**

“5. Đối với các nội dung, nhiệm vụ chi thường xuyên được quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 của Nghị định này bao gồm:

- Chi để thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, nâng cấp công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của trang thiết bị nghiên cứu (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, cần phải thực hiện ngay trong năm ngân sách;

- Chi để thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm tài sản, trang thiết bị chuyên dùng của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Các cơ quan, tổ chức áp dụng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí chi thường xuyên quy định tại Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày .../.../2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.”

#### **7. Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 như sau:**

“1. Doanh nghiệp nhà nước, căn cứ vào nhu cầu hoạt động khoa học và công nghệ và khả năng sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ hàng năm, tự xác định tỷ lệ trích lập Quỹ từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập năm để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.”

#### **8. Sửa đổi quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 như sau:**

“c) Mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.”

#### **9. Bổ sung điểm i khoản 3 Điều 10 như sau:**

“i) Chi cho đầu tư hình thành và duy trì hoạt động của các cơ sở ươm tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; đặt hàng mua các sản phẩm đổi mới sáng tạo; sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp nhà nước để đầu tư mạo hiểm, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.”

#### **10. Bổ sung điểm k khoản 3 Điều 10 như sau:**

“k) Chi cho hoạt động chuyển đổi số của doanh nghiệp.”

**Điều 2. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5: “4. Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ.”

2. Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 9: “3. Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định khuyến khích doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ cho doanh nghiệp và cho ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.”

#### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**DƯ THẢO**

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

---

#### **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

##### **1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Thực hiện Luật Khoa học và Công nghệ, trong thời gian qua, Chính phủ và các cơ quan của Chính phủ đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ theo thẩm quyền, nhờ đó đã hình thành đồng bộ hệ thống văn bản pháp lý về khoa học và công nghệ, góp phần huy động nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST); thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung KH&CN&ĐMST gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo (ĐMST) của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hiện nay, cơ chế quản lý tài chính đối với phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp KH&CN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật KH&CN, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và các thông tư, thông tư liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Tài chính (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKH&CN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN,...) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực cũng nảy sinh những hạn chế trong chính sách đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ như: đầu tư cho KH&CN dàn trải, chông chéo chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn; cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN chưa phù hợp; cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ KH&CN đã được triển khai thực hiện, nhưng không phổ biến... Bên cạnh đó, trước những thay đổi và yêu cầu của tình hình kinh tế - xã hội, chủ trương của Đảng cũng như những điều chỉnh trong các văn bản quy phạm pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và đầu thầu.

Do vậy, cần ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị

định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP). Nghị định sẽ tập trung sửa đổi, bổ sung nội dung tại 04 Điều gồm: Điều 4 nội dung chi NSNN cho KH&CN; Điều 5 về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN; Điều 9 và Điều 10 quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

- Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất trong đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, đồng thời đảm bảo tính phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo chính sách đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN được công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho các tổ chức KH&CN, các cá nhân hoạt động KH&CN, góp phần giảm thiểu thủ tục hành chính trong hoạt động KH&CN.

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các chủ thể trong quá trình quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Đề đạt được các mục tiêu như đã đặt ra ở trên, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tập trung vào các nhóm chính sách. Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm các quy định bổ sung, cụ thể hóa hoặc sửa đổi quy định hiện hành, hoặc đề xuất các quy định mới.

### **1. Chính sách 1: Hoàn thiện quy định nội dung chi NSNN cho KH&CN**

#### ***1.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề***

##### ***1.1.1. Xác định vấn đề***

Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thực tế phát hiện thấy: các nội dung chi của ngân sách nhà nước (NSNN) cho khoa học và công nghệ (KH&CN) chưa đầy đủ, chưa phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công cũng như đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh đối với các nội dung chi phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST). Cụ thể như sau:

a) Quy định về chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ (*điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*) và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (*điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*) chưa đảm bảo phân định rõ về phạm vi, tiêu chí, đối tượng điều chỉnh, tổng mức đầu tư giữa dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, máy móc để phân định ranh giới giữa các dự án thực hiện từ nguồn kinh phí đầu tư công với các nhiệm vụ được sử dụng từ nguồn chi thường xuyên.

Khoản 4 và khoản 6 Điều 4 Luật NSNN quy định:

*“4. Chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.*

*6. Chi thường xuyên là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.”*

Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công theo hướng: *“Điều 6 của Luật Đầu tư công không quy định nhiệm vụ, khoản chi nào phải dùng vốn đầu tư công, không quy định chi sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc. Ủy ban Thường vụ Quốc hội khẳng định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan khác không có quy định nào cấm sử dụng chi thường xuyên để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc.”*

Theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, tại Phụ lục đã phân loại dự án quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 của Luật Đầu tư công.

Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học quy định:

*“2. Chi ngân sách nhà nước cho phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học công lập gồm các nội dung sau đây:*

*a) Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: ...chi cho dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị; ...*

*b) Từ nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: Chi cho dự án phòng thí nghiệm đầu tư tập trung, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học và dự án đầu tư phát triển khoa học công nghệ khác;”*

Do vậy, quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần bổ sung nội dung chi như sau:

- Bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP:

+ Bổ sung quy định để làm rõ các nội dung chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Đầu tư công;

+ Bổ sung quy định cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án. Lý do: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công “*a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;*”

+ Bổ sung đối tượng điều chỉnh là: trại thực nghiệm<sup>5</sup>; phòng tiêu bản, phòng trưng bày, lưu giữ mẫu<sup>6</sup>; trung tâm đổi mới sáng tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo<sup>7</sup>.

- Bổ sung quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP:

+ Làm rõ quy định về chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu, không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công (khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công “*1. Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu; không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công.*”)

+ Bổ sung quy định về nhiệm vụ Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, nâng cấp công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của trang thiết bị nghiên cứu (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, cần phải thực hiện ngay trong năm ngân sách (quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật NSNN và Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

+ Bổ sung quy định về nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm tài sản, trang thiết bị chuyên dùng của các tổ chức KH&CN công lập; mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN. Căn cứ đề xuất: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công “*b) Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật*” và điểm a khoản 2 Điều 28 “*a) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành*” và Quyết định

<sup>5</sup> Ý kiến của Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên tại văn bản số 367/KHCN-KHTC ngày 18/3/2024 về việc tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

<sup>6</sup> Ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 2343/BNN-KHCN ngày 02/4/2024 về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

<sup>7</sup> Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ tại điểm b khoản 2 mục IV.

số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

Đối với nội dung bổ sung: (i) nhiệm vụ Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, nâng cấp công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của trang thiết bị nghiên cứu (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; (ii) nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ KH&CN đề xuất quy định cụ thể trong Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất với các quy định đang được xây dựng tại dự thảo Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng<sup>8</sup>.

b) Bổ sung nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và nội dung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ để duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Lý do:

Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế “*Phát triển các trung tâm và mạng lưới đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với khu công nghệ cao, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu; triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục; xây dựng các vườn ươm công nghệ, nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở.*”

Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 đã đề ra nhiệm vụ: “*Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trong năm 2023, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.*”

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ: “*b) Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu.*” (điểm b khoản 2 mục IV).

<sup>8</sup> Tờ trình số 100/TTr-BTC ngày 10/5/2024 của Bộ Tài chính đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

Do vậy, quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần bổ sung nội dung chi như sau:

- Bổ sung quy định về nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

- Bổ sung quy định tại điểm n0 khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về chi nhằm bảo đảm và duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

c) Điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP chưa được sửa đổi phù hợp với quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các nội dung: NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao hoặc đặt hàng và kinh phí được NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính.

d) Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhằm làm rõ việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chất lượng cao thuộc các danh mục có uy tín so với quy định trước đây *“k) Hỗ trợ... công bố kết quả nghiên cứu khoa học; ...”*.

Lý do: điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học quy định: *“a) Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: ... hỗ trợ kinh phí công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích; hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo và đổi mới công nghệ; hỗ trợ phát triển, nâng cao chất lượng tạp chí khoa học để gia nhập hệ thống trích dẫn khu vực và quốc tế; ... mua cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; chi thường bằng mức lương thấp nhất bình quân cho công bố khoa học có giá trị, bằng 03 lần mức lương bình quân cho 01 sáng chế, bằng 02 lần mức lương bình quân cho 01 giải pháp hữu ích hoặc 01 giống cây trồng; ...”*

### *1.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN nhằm phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 và kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công cũng như các quy định pháp luật khác có liên quan nhằm phục vụ nâng cao tiềm lực KH&CN&ĐMST.

***1.2. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

### 1.2.1. Các giải pháp giải quyết vấn đề

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1:** Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2:** Chính sửa, bổ sung quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 1.1.2 nói trên.

### 1.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

#### 1.2.2.1. Phương án 1

##### a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

##### b) Tác động về kinh tế, xã hội:

###### b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và không tăng chi NSNN cho KH&CN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

###### b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: hiệu lực, hiệu quả quản lý bị giảm sút, không phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, không đáp ứng nhu cầu chi cho hoạt động ĐMST.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không đáp ứng nhu cầu chi của tổ chức, cá nhân.

##### c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

##### d) Tác động về thủ tục hành chính:

Không thay đổi thủ tục hành chính hiện có.

#### 1.2.2.2. Phương án 2:

##### a) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: Sau khi rà soát về tính tương thích, giải pháp này không ảnh hưởng đến các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*b) Tác động về kinh tế, xã hội:*

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, về đầu tư công, đáp ứng nhu cầu hoạt động KH&CN&ĐMST.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thực hiện đúng quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, hoạt động KH&CN&ĐMST hiệu quả.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới.

*c) Tác động về giới*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Không thay đổi thủ tục hành chính hiện có.

**1.3. Lựa chọn giải pháp**

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của tổ chức và cá nhân hoạt động KH&CN&ĐMST, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

**2. Chính sách 2: hoàn thiện quy định về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN.**

**2.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề**

**2.1.1. Xác định vấn đề**

- Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Luật NSNN, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định mức phân bổ chi thường xuyên, chi đầu tư NSNN áp dụng cho mỗi thời kỳ ổn định ngân sách. Mặt khác, đến thời điểm hiện nay, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã thực hiện được 08 năm, nhưng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN vẫn chưa được ban hành. Đồng thời, các quy định của pháp luật

về NSNN, đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan đã được ban hành và thực thi nên cần thiết phải bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

- Bổ sung khoản 5 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP liên quan đến việc áp dụng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng<sup>9</sup>.

### 2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Luật NSNN quy định về việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định định mức phân bổ chi thường xuyên, chi đầu tư NSNN áp dụng cho mỗi thời kỳ ổn định ngân sách (quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Luật NSNN)<sup>10</sup>, do vậy, việc bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP là cần thiết.

- Khoản 3 Điều 1 của dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng quy định: “*Đối với các nội dung, nhiệm vụ chi thường xuyên được quy định tại các Luật chuyên ngành và Nghị định hướng dẫn của Chính phủ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác (nếu có, ngoài quy định tại điểm 2 Điều này), các cơ quan, đơn vị áp dụng quy định tại Nghị định này về trình tự, thủ tục xây dựng dự toán, phân bổ sự toán và quyết toán chi thường xuyên và thực hiện theo quy định tại các Luật chuyên ngành, Nghị định của Chính phủ về sử dụng kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.*”<sup>11</sup> Do vậy, việc bổ sung quy định về áp dụng quy định pháp luật nêu trên sẽ đảm bảo tính thống nhất đồng bộ trong tổ chức thực hiện pháp luật về NSNN.

## 2.2. Giải pháp giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

### 2.2.1. Các giải pháp giải quyết vấn đề

<sup>9</sup> Tờ trình số 100/TTr-BTC ngày 10/5/2024 của Bộ Tài chính đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

<sup>10</sup> Chẳng hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

<sup>11</sup> Dự thảo Nghị định kèm theo Tờ trình số 100/TTr-BTC ngày 10/5/2024 của Bộ Tài chính đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1:** Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2:** Chính sửa, bổ sung quy định tại Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 2.1.2 nói trên.

*2.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*

*2.2.2.1. Phương án 1*

*a) Tác động tới hệ thống pháp luật:*

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

*b) Tác động về kinh tế, xã hội:*

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và nguồn lực NSNN chi cho KH&CN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: quy trình xây dựng, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN chưa phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phát sinh tác động tiêu cực.

*c) Tác động về giới:*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán chi NSNN cho KH&CN.

*2.2.2.2 Phương án 2:*

*a) Tác động tới hệ thống pháp luật:*

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: qua rà soát, giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*b) Tác động về kinh tế, xã hội:*

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công cũng như đáp ứng với nhu cầu thực tế hoạt động KH&CN tại bộ, ngành, địa phương.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thực hiện theo quy định định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không có.

*c) Tác động về giới*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán chi NSNN cho KH&CN.

### **2.3. Lựa chọn giải pháp**

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

## **3. Chính sách 3: Hoàn thiện quy định về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp**

### **3.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề**

#### **3.1.1 Xác định vấn đề**

Trong thời gian qua, hành lang pháp lý về hoạt động của quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp đã được hoàn thiện. Tuy nhiên, một số quy định hiện hành không còn phù hợp với các quy định liên quan hoặc thực tiễn, đòi hỏi phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Các quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp chưa đầy đủ, đồng bộ để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng cao dựa trên KH&CN&ĐMST. Cụ thể:

- Tỷ lệ trích lập tối thiểu Quỹ của doanh nghiệp Nhà nước không đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác; gây ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

- Quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP chưa phù hợp quy định quy định tại Điều 20 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo Điều 30 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 quy định về thẩm quyền ban hành văn bản và theo khoản 2 Điều 5 Nghị định 39/2022/NĐ-CP quy định về trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ.

- Quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần điều chỉnh như sau: *“mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp”* phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt *“Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”* tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp *“d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nới lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp”*.

- Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III *“Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.”*; đầu tư cho các cơ sở ươm tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg.

### 3.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện các quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp nhằm thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.

**3.2. Giải pháp giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

**3.2.1. Các giải pháp giải quyết vấn đề**

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1:** Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2:** Chính sửa, bổ sung quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 3.1.2 nói trên.

**3.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

**3.2.2.1. Phương án 1**

*a) Tác động tới hệ thống pháp luật:*

Không có tác động đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN.

*b) Tác động về kinh tế, xã hội:*

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém kinh phí đầu tư.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không có.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: thiếu các công cụ thúc đẩy sự phát triển của KH&CN&ĐMST tại doanh nghiệp.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không tạo động lực cho hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN&ĐMST.

*c) Tác động về giới:*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

**3.2.2.2. Phương án 2:**

*a) Tác động tới hệ thống pháp luật:*

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: qua rà soát, giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*b) Tác động về kinh tế, xã hội:*

**b1) Tác động tích cực:**

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý, phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động KH&CN&ĐMST của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đối với doanh nghiệp.

**b2) Tác động tiêu cực:**

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới và ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ hơn.

**c) Tác động về giới**

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không tác động đến thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

Chính sách không bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến việc trích lập và sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

**3.3. Lựa chọn giải pháp**

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 3 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý và nhu cầu hoạt động, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý về quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

**III. PHỤ LỤC**

Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên là điều ước quốc tế đang có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Danh mục các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tính tương thích.

*1. Về lĩnh vực sở hữu trí tuệ*

Đến nay, về lĩnh vực sở hữu trí tuệ, Việt Nam đã gia nhập nhiều Điều ước quốc tế, cụ thể như sau:

STT	Các Điều ước quốc tế	Rà soát và đánh giá tính tương thích
1	Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)	Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS) là các hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, là một thỏa thuận pháp lí quốc tế giữa tất cả các quốc gia là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nó đặt ra các tiêu chuẩn tối thiểu cho quy định của chính phủ quốc gia về nhiều hình thức sở hữu trí tuệ (IP) như áp dụng cho các công dân của các quốc gia thành viên WTO khác. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS) đặt ra nhằm mục tiêu bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ phải góp phần thúc đẩy cải tiến công nghệ, chuyên giao và phổ biến công nghệ, đảm bảo quyền lợi của các nhà sản xuất và những người sử dụng kiến thức công nghệ phục vụ cho kinh tế, xã hội cũng như bảo đảm sự cân bằng giữa các quyền và nghĩa vụ.
2	Hiệp định khung ASEAN về hợp tác sở hữu trí tuệ	Hiệp định gồm 8 điều, quy định những vấn đề cơ bản nhất về hợp tác SHTT giữa các quốc gia thành viên. Các thỏa thuận nội khối sẽ được thực hiện phù hợp với mục tiêu, nguyên tắc, chuẩn mực trong các điều ước quốc tế liên quan và Hiệp định TRIPS, tạo thuận lợi cho các nhà sáng tạo, nhà sản xuất và người sử dụng SHTT, góp phần phát triển kinh tế xã hội.
3	Hiệp định Khu vực thương mại tự do ASEAN- Australia- New Zealand (phần sở hữu trí tuệ)	Chương SHTT của Hiệp định AANZFTA tương tự như Hiệp định TRIPS.
4	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU EVFTA	Hiệp định có phạm vi quyền SHTT tương ứng với Hiệp định TRIPS. Các nguyên tắc chung về bảo hộ quyền

		<p>SHTT (các quy định từ Điều 12.1 đến 12.4) gồm: bảo hộ đầy đủ và hiệu quả quyền SHTT; bảo hộ và thực thi quyền SHTT phải đóng góp vào việc thúc đẩy đổi mới công nghệ, chuyển giao và phổ biến công nghệ, vì lợi thế chung của các nhà sản xuất và người sử dụng kiến thức công nghệ và theo cách thức có lợi cho phúc lợi xã hội và kinh tế và vì sự cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ; nguyên tắc MFN và tự do lựa chọn cơ chế cạnh quyền phù hợp.</p>
	<p>Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (các quy định về sở hữu trí tuệ)</p>	<p>Hiệp định CPTPP khẳng định lại rõ ràng các nguyên tắc quan trọng của Hiệp định TRIPS, như mục tiêu bảo hộ cần thúc đẩy đổi mới, chuyển giao và phổ biến công nghệ, cân bằng lợi ích giữa chủ SHTT và công chúng (Điều 18.2), thúc đẩy lợi ích công cộng trong các lĩnh vực có tầm quan trọng sống còn như vấn đề bảo vệ sức khỏe và dinh dưỡng cộng đồng (Điều 18.3), trong đó đặc biệt nhấn mạnh Tuyên bố Đôha về Hiệp định TRIPS và sức khỏe cộng đồng (Điều 18.6), quyền tự do định đoạt chính sách về nhập khẩu song song (Điều 18.11). Bên cạnh đó, yêu cầu minh bạch hóa trên Internet các quy định pháp luật, các thủ tục, các quyết định hành chính có hiệu lực áp dụng chung liên quan đến bảo hộ và thực thi quyền SHTT; thông tin đã công bố về đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ đối với quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng (Điều 18.9) cũng được đặt ra trong Hiệp định này.</p>
	<p>Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (các quy định về sở hữu trí tuệ)</p>	<p>Chương về quyền SHTT trong Hiệp định được xây dựng trên mô hình của Hiệp định TRIPS và bao gồm: những tiêu chuẩn tối thiểu đối với việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT, cùng với những vấn đề khác, như: sáng chế,</p>

		nhãn hiệu hàng hóa, quyền tác giả,... Chương này phản ánh những thay đổi về các tiêu chuẩn của SHTT trên thế giới diễn ra kể từ khi Hiệp định TRIPS được ký kết và không nhắc lại tất cả các nghĩa vụ trong Hiệp định TRIPS.
	Hiệp định hợp tác khoa học và công nghệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ (các quy định về sở hữu trí tuệ)	
	Hiệp định Việt Nam - Thụy Sĩ về bảo hộ sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	
	Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (các quy định về sở hữu trí tuệ)	Những cam kết về SHTT trong Hiệp định này bao quát hầu hết các đối tượng và khía cạnh của quyền SHTT, nhưng đa phần mức độ cam kết chỉ tương đương với Hiệp định TRIPS.
	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Chile (các quy định về sở hữu trí tuệ)	Hiệp định này không có một chương riêng về SHTT. Các cam kết về SHTT nằm trong Chương Thương mại hàng hóa và chỉ tập trung vào vấn đề chỉ dẫn địa lý. Theo đó, Việt Nam và Chile phải quy định thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý dành cho công dân của hai nước mà không yêu cầu nhà nước phải can thiệp thay mặt cho các công dân trong việc đăng ký này. Điều đặc biệt, trong Hiệp định này Việt Nam công nhận Pisco, có kèm theo chỉ dẫn về Chile, là một chỉ dẫn địa lý theo định nghĩa của khoản 1 Điều 22 Hiệp định TRIPS. Hiệp định cũng khẳng định rằng sự công nhận này không ảnh hưởng đến các quyền liên quan tới chỉ dẫn địa lý Pisco mà Việt Nam đã công nhận cho Peru.
	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (các quy định về sở hữu trí tuệ)	Nội dung về SHTT trong Hiệp định này tương đối rộng, bao quát hầu hết các đối tượng của quyền SHTT nhưng

		những cam kết cũng chỉ dừng ở mức tương đương với cam kết tại Hiệp định TRIPS và pháp luật quốc gia.
	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh UKVFTA	Hiệp định gồm 9 điều khoản; 01 Phụ lục sửa đổi một số điều của lời văn EVFTA; 01 Nghị định thư và 01 thư trao đổi song phương giữa Việt Nam và Vương quốc Anh. Các điều chỉnh liên quan đến SHTT được đề cập tại các Mục 11 và 12 Phụ lục Hiệp định. Theo đó, các điều chỉnh này chủ yếu xử lý vấn đề liên quan đến Danh sách chỉ dẫn địa lý trong Hiệp định EVFTA, theo đó các điều chỉnh nhằm bảo đảm việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý của Vương quốc Anh và Bắc Ireland (bao gồm 04 chỉ dẫn địa lý là Scotch Whiskey, Scottish Farmed Salmon, Irish Whiskey và Irish Cream) tại Việt Nam theo Hiệp định EVFTA tiếp tục được duy trì theo Hiệp định UKVFTA khi Vương quốc Anh tách khỏi EU.
	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á Âu (các quy định về sở hữu trí tuệ)	Nội dung SHTT trong VN-EAEU FTA được quy định tại Chương 9 của Hiệp định, bao gồm 17 Điều, từ các điều khoản chung về các điều ước quốc tế, nguyên tắc đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc đến các điều khoản về từng đối tượng quyền SHTT cụ thể như quyền tác giả và quyền liên quan, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý... và thực thi quyền SHTT. Về cơ bản, các cam kết trong VN-EAEU FTA không vượt quá các chuẩn mực bảo hộ quy định trong Hiệp định TRIPS của WTO và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, do vậy không đặt thêm gánh nặng cho Nhà nước, các doanh nghiệp và cả xã hội trong thi hành cam kết về SHTT.

## 2. Về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (gọi tắt là Hiệp định TBT) của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là một trong các hiệp định điều chỉnh về thương mại hàng hóa với mục tiêu bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp không phân biệt đối xử và không tạo ra rào cản không cần thiết cho thương mại. Cùng lúc, Hiệp định thừa nhận các Thành viên WTO có quyền áp dụng các biện pháp để thực hiện các mục tiêu chính sách hợp pháp của mình.

Hiệp định TBT khuyến khích mạnh mẽ các nước thành viên sử dụng tiêu chuẩn quốc tế làm căn cứ cho các biện pháp quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho thương mại. Thông qua các điều khoản về minh bạch hóa, Hiệp định cũng được xây dựng với mục đích tạo môi trường thương mại dễ dự đoán.

### *3. Về lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân*

Việt Nam đã tham gia các điều ước quốc tế về an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân, thanh sát hạt nhân như Công ước về an toàn hạt nhân, Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định thanh sát Việt Nam-IAEA, Công ước chung về an toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và an toàn quản lý chất thải phóng xạ hay Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và phân sửa đổi.

Như vậy, sau khi rà soát về tính tương thích, các quy định được nêu trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP hoàn toàn không cản trở các cam kết của Việt Nam khi tham gia các Điều ước quốc tế nêu ở trên.

#### ***Nơi nhận:***

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- VPCP: Vụ Pháp luật;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC.

**BỘ TRƯỞNG**

**Huỳnh Thành Đạt**

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**    **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƯ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKH&CN ngày tháng năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Triển khai thực hiện Luật Khoa học và công nghệ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

Sau gần 10 năm thực hiện, đã đạt được kết quả nhất định và không phát sinh vướng mắc lớn cần thay thế Nghị định số 95/2014/NĐ-CP. Việc sửa đổi Nghị định số 95/2014/NĐ-CP xuất phát từ những bất cập trong thực hiện đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và sự thay đổi của pháp luật có liên quan.

**I. Kết quả đạt được**

*1. Hệ thống quy định pháp luật về cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) ban hành kịp thời, đồng bộ*

Trong thời gian qua, Chính phủ đã nỗ lực trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN góp phần huy động nguồn lực cho hoạt

động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST); thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực KH&CN phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung KH&CN&ĐMST gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực ĐMST của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hiện nay, cơ chế quản lý tài chính đối với phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp KH&CN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật KH&CN, Điều 14 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và các thông tư liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Tài chính (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKH&CN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng

ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN,...) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hệ thống pháp luật nêu trên đã tương đối đầy đủ, tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý tài chính cho hoạt động KH&CN.

Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được thực hiện trên cơ sở dự toán nguồn NSNN được phê duyệt và các nguồn kinh phí khác cân đối cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong năm kế hoạch và các năm tiếp theo tương ứng với thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và khoán chi từng phần đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, được cụ thể hóa tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC. Nội dung khoản chi tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC được thực hiện theo tinh thần quản lý thực hiện nhiệm vụ KH&CN dựa vào hiệu quả hoạt động và kết quả đầu ra.

Về cơ bản, các tổ chức được giao kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN đã sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn kinh phí vào mục đích nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Công tác thanh quyết toán kinh phí đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ. Công tác quản lý việc sử dụng kinh phí cơ bản chặt chẽ, đúng chế độ, chính sách quy định. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc báo cáo theo yêu cầu của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có liên quan đảm bảo chất lượng và tiến độ yêu cầu.

## *2. Về đầu tư kinh phí chi sự nghiệp KH&CN*

Việc thực hiện kế hoạch và xây dựng dự toán NSNN được thực hiện theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Việc phân bổ giao dự toán NSNN, quản lý và sử dụng kinh phí chi sự nghiệp KH&CN đảm bảo nguồn lực thực hiện đầy đủ, kịp thời các hoạt động KH&CN, cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của ngành KH&CN. Tuy nhiên, trong bối cảnh cân đối chi NSNN còn khó khăn, chi thường xuyên cho hoạt động KH&CN được Quốc hội thông qua trung bình trong giai đoạn 2016-2020 vào khoảng 0,79% tổng chi NSNN.

## *3. Về tình hình phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp cho KH&CN*

*a) Kinh phí sự nghiệp KH&CN trung ương* tập trung đầu tư để triển khai một số nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, trong đó nhiệm vụ cấp quốc gia trọng tâm bao gồm: (i) Triển khai thực hiện các Chương trình KH&CN cấp Quốc gia; (ii) Hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình/Đề án KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giao cho các Bộ ngành thực hiện; (iii) Chương trình KH&CN phục vụ Chương trình Mục tiêu quốc gia về Nông thôn mới; (iv) triển khai Chương trình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội vùng

nông thôn và miền núi; và (v) Các nhiệm vụ KH&CN trọng tâm đã được thống nhất trong Chương trình phối hợp công tác giữa Bộ KH&CN với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; các Chương trình trọng điểm, nhiệm vụ cấp bách do các cấp có thẩm quyền giao; tăng cường năng lực nghiên cứu và sửa chữa chống xuống cấp của các tổ chức KH&CN...

*b) Kinh phí SNKH địa phương:* Qua số liệu tổng hợp, thực tế kiểm tra, khảo sát tại một số địa phương có thể nhận thấy, trong điều kiện kinh tế, ngân sách nhà nước (NSNN) còn khó khăn nhưng các địa phương luôn quan tâm đầu tư cho hoạt động KH&CN, trong đó nguồn ngân sách sự nghiệp chi cho KH&CN được nhiều địa phương bố trí cao hơn số Trung ương giao. Hầu hết các địa phương đều sử dụng hết số kinh phí được UBND tỉnh/thành phố phê duyệt.

Theo báo cáo, các địa phương dành 60 - 70% kinh phí sự nghiệp KH&CN cho công tác nghiên cứu, ứng dụng. Với chủ trương hoạt động nghiên cứu triển khai phải tập trung theo hướng ứng dụng là chính vì thế các địa phương đã rất chú trọng công tác này, nhất là đối với các kết quả có khả năng thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương và của Vùng.

Trong kinh phí sự nghiệp KH&CN, chi thường xuyên đảm bảo duy trì hoạt động và sở vật chất của các tổ chức KH&CN công lập, hỗ trợ một phần kinh phí triển khai các nhiệm vụ KH&CN cho các tổ chức KH&CN ngoài công lập, duy trì và trả lương cho nhân lực KH&CN ở khu vực nhà nước. Chi nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN theo yêu cầu phát triển của ngành, địa phương phục vụ quản lý nhà nước của bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội.

#### *4. Về tình hình phân bổ, sử dụng chi đầu tư phát triển cho KH&CN*

Về nguồn vốn đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, tổng hợp kế hoạch vốn và phương án phân bổ vốn đầu tư KH&CN cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương. Bộ KH&CN không có thông tin trong quá trình phân bổ nguồn vốn này. Tuy nhiên, theo số liệu tổng hợp báo cáo từ các địa phương, tổng ngân sách sự nghiệp chi cho đầu tư phát triển KH&CN giai đoạn 2016-2020 là 10.627,7 tỷ đồng. Thống kê theo từng Vùng cho thấy, cao nhất là Vùng Đông Nam Bộ 6.544,9 tỷ đồng (chiếm 61,58%), tiếp đến vùng Đồng bằng Sông Hồng 1.559,5 tỷ đồng (chiếm 14,67%), thấp nhất là vùng Nam Trung Bộ 177,7 tỷ đồng (chiếm 1,67%).

#### *5. Về trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp (Quỹ)*

Giai đoạn 2015-2021, theo thống kê của Tổng Cục thuế - Bộ Tài chính, số tiền và số doanh nghiệp trích lập Quỹ không nhiều; việc sử dụng số tiền từ Quỹ chi cho hoạt động KH&CN chỉ đạt 60%. Cụ thể số tiền trích lập Quỹ cả nước đạt trên 23.000 tỷ đồng và sử dụng trên 14.000 tỷ đồng đã góp phần thúc đẩy phát triển hoạt động KH&CN và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

của doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp đã chủ động trích lập và sử dụng hiệu quả nguồn lực này cho hoạt động KH&CN&ĐMST của doanh nghiệp.

Sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 43/2022/QH15), Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH để triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15, theo đó, Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính và Bộ KH&CN “*khẩn trương sửa đổi các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý tại Thông tư số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 trong Quý I năm 2022 để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp*”<sup>12</sup>. Đồng thời, Nghị quyết số 11/NQ-CP cũng nêu rõ “*trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn*”<sup>13</sup>.

Triển khai Nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ, Bộ KH&CN đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ KH&CN về hướng dẫn sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN) sửa đổi Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC. Theo đó, Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 17 của Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC và bổ sung các hướng dẫn về nội dung chi được quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (sau đây gọi là CGCN); Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 về doanh nghiệp KH&CN. Cụ thể như sau:

(1) *Đối với nội dung chi cho nhiệm vụ KH&CN do doanh nghiệp chủ trì hoặc phối hợp*: Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN quy định Quỹ bố trí vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh do doanh nghiệp chủ trì hoặc phối hợp thực hiện trên cơ sở hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được ký kết và trên cơ sở thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt theo quy định pháp luật về KH&CN.

(2) *Đối với nội dung chi hỗ trợ phát triển KH&CN của doanh nghiệp*:

<sup>12</sup> Điểm m, mục 3 và mục 14 Phần IV.

<sup>13</sup> Điểm d mục 1 Phần I.

Điều 4 Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN quy định chi tiết 9 nội dung chi<sup>14</sup>, trong đó cụ thể hóa các nội dung chi của Quỹ hơn so với Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC. Đặc biệt là quy định nội dung chi mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp; bổ sung nội dung chi mua nguyên vật liệu theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển KT-XH; bổ sung thêm nội dung chi tài trợ, hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án “*Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) quốc gia đến năm 2025*”.

(3) *Đối với nội dung chi thực hiện hoạt động CGCN*: Điều 5 Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN đã quy định chi tiết 5 nội dung chi mới<sup>15</sup>, cụ thể hóa Nghị quyết số 43/2022/QH15 và bổ sung nội dung chi theo Điều 28 Nghị định 76/2018/NĐ-CP bằng nguồn chi của Quỹ.

(4) Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN cũng đã bãi bỏ các thủ tục thành lập Hội đồng KH&CN của doanh nghiệp, theo đó doanh nghiệp tự quyết định về loại hình, tiêu chuẩn, số lượng thành viên hội đồng để tư vấn cho Quỹ trong hoạt động quản lý, sử dụng Quỹ đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Nhiều doanh nghiệp đã rất chủ động và linh hoạt trong lựa chọn chuyên gia, quy định số lượng chuyên gia trong từng hội đồng khoa học, thậm chí có doanh nghiệp đã chủ động phối hợp với các hội đồng KH&CN của địa

---

<sup>14</sup> (1) Chi đầu tư cơ sở vật chất – kỹ thuật cho hoạt động KH&CN của doanh nghiệp; (2) Chi mua quyền sử dụng, quyền sở hữu: bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; giống cây trồng; kiểu dáng công nghiệp; (3) Chi mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp; (4) Chi cho trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức KH&CN trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động KH&CN của doanh nghiệp; (5) Chi cho đào tạo nhân lực KH&CN của doanh nghiệp; (6) Chi cho hoạt động sáng kiến; (7) Chi cho hoạt động hợp tác về KH&CN với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước; (8) Chi cho đánh giá, thử nghiệm, giám định, kiểm định, quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; chi đăng ký quyền sở hữu trí tuệ; (9) Chi cho tài trợ, hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án “*Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) quốc gia đến năm 2025*”.

<sup>15</sup> Chi thực hiện dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận CGCN từ tổ chức KH&CN theo Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; Chi đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp ĐMST; Chi cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, thương mại hóa kết quả nghiên cứu KH&CN; giải mã công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ và thuê tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước để tư vấn, quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ KH&CN của doanh nghiệp; Chi mua sắm, nhập khẩu vật mẫu phục vụ hoạt động giải mã công nghệ; Chi hỗ trợ tổ chức KH&CN của doanh nghiệp có liên kết với tổ chức ứng dụng, CGCN địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu KH&CN phù hợp với đặc thù địa phương; Chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ.

phương để đảm bảo chặt chẽ về mặt pháp lý khi sử dụng Quỹ<sup>16</sup>.

Như vậy, đối với những vướng mắc về nội dung chi, thủ tục trích lập Quỹ, quản lý và sử dụng Quỹ, Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN và Thông tư số 67/2022/TT-BKHCN thay thế Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC về cơ bản đã tháo gỡ các vướng mắc chính trước đây của các doanh nghiệp trong việc sử dụng Quỹ cho các khoản chi tiêu lớn như chi tiêu để đổi mới, chuyển giao công nghệ hay mua sắm nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, đồng thời cũng tăng sự chủ động, tự chủ của các doanh nghiệp trong việc quyết định sử dụng Quỹ trong các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đồng thời, Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN cũng quy định cụ thể hơn về thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển KH&CN của quốc gia, của bộ, ngành và địa phương cho hoạt động nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp.

Theo số liệu về tình hình trích lập và sử dụng Quỹ năm 2022 do Tổng cục thuế cung cấp tại Văn bản số 4873/TCT-KK ngày 01/11/2023, có khoảng 220 doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ trong năm 2022 với tổng số tiền trích lập là khoảng 6.500 tỷ; số Quỹ được sử dụng khoảng 3.200 tỷ (*trong đó số Quỹ được sử dụng từ nguồn trích lập Quỹ trong các năm lần lượt là: năm 2017 là 233 tỷ đồng, năm 2018 là 320 tỷ đồng, năm 2019 là 34 tỷ đồng, năm 2020 là 1.736 tỷ đồng, năm 2021 là 53 tỷ đồng và năm 2022 là khoảng 848 tỷ đồng*). So sánh với năm 2021 (có 254 doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ với tổng số tiền trích lập là 3.349 tỷ đồng, số Quỹ được sử dụng là 684 tỷ đồng) cho thấy số liệu về trích lập và sử dụng Quỹ năm 2022 đã có sự gia tăng đáng kể so với năm 2021. Như vậy, thông qua số liệu về tình hình trích lập và sử dụng Quỹ trong năm 2022, cho thấy việc điều chỉnh chính sách về quản lý và sử dụng Quỹ theo yêu cầu Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội đã đem lại những kết quả tích cực, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ trong giai đoạn hiện nay.

## II. Tồn tại, hạn chế

### 1. Về đầu tư cho hoạt động KH&CN

1.1. Về chi đầu tư phát triển KH&CN: Theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, mục tiêu chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN không phân biệt thành phần kinh tế. Trong quá trình thực hiện còn một số hạn chế, tồn tại sau: (1) Phân bổ vốn đầu tư còn chông chéo, dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 về Chiến lược phát triển KH&CN&ĐMST đến năm 2030; Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020). Nguyên nhân khi phân bổ vốn đầu tư chưa tuân thủ đầy đủ

<sup>16</sup> Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.

nguyên tắc, còn dàn trải, trùng lặp, chưa đáp ứng theo định hướng mục tiêu chiến lược KH&CN&ĐMST, kế hoạch trung hạn đã được xác định. (2) Nội dung chi sự nghiệp KH&CN quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 chỉ gồm “*m) Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN*”. Tuy nhiên trong thực tế, việc đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu bao gồm mua sắm máy móc, trang thiết bị nghiên cứu của các tổ chức KH&CN đang được lập dự toán và phân bổ bằng nguồn sự nghiệp KH&CN, việc mua sắm trang thiết bị máy móc chưa thực hiện theo Luật Đầu tư công. (3) Việc đầu tư và duy trì hoạt động các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia chưa được quan tâm đúng mức, kinh phí còn dàn trải, thiếu tập trung và hiệu quả hoạt động chưa cao.

*1.2. Về chi sự nghiệp KH&CN:* (1) Cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN, nhất là các tổ chức sự nghiệp công lập thực hiện chức năng nghiên cứu để tham mưu chính sách phục vụ quản lý nhà nước là chưa phù hợp dẫn đến đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc trong quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong nghiên cứu. (2) Kinh phí chi thường xuyên và các nhiệm vụ theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP không được quy định và điều chỉnh bởi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. (3) Quy trình phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại khoản 3 Điều 5 vào các Quỹ KH&CN các cấp chưa được thực hiện do các Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, ngành, địa phương theo Điều 7 của Nghị định về cơ bản chưa được thành lập. (4) Hoạt động của các Quỹ phát triển KH&CN còn hạn chế, chưa phát huy đầy đủ tiềm năng do còn vướng mắc cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính theo các quy định của pháp luật về KH&CN và NSNN.

*1.3. Về sự phân định khác biệt giữa chi tăng cường năng lực nghiên cứu sử dụng chi đầu tư phát triển và chi mua sắm máy móc, trang thiết bị sử dụng chi sự nghiệp:* Trong quá trình thực thi Nghị định 95/2014/NĐ-CP, quy định về chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ (*điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*) và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (*điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*) chưa có sự phân định khác biệt giữa chi tăng cường năng lực nghiên cứu sử dụng chi đầu tư phát triển và chi mua sắm máy móc, trang thiết bị sử dụng chi sự nghiệp. Tại Tờ trình số 3181/TTr-BKHCN ngày 22/7/2016 của Bộ KH&CN báo cáo Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, Bộ KH&CN đã báo cáo: “*Nếu việc tăng cường trang thiết bị mới chỉ sử dụng kinh phí đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công thì các dự án này phải nằm trong kế hoạch trung hạn, vì vậy, không đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu khoa học của các tổ chức KH&CN. Mặt khác, trong những năm*

qua (trước thời điểm Nghị định số 95/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) và hiện nay, một phần kinh phí sự nghiệp KH&CN đang được cân đối cho các dự án tăng cường năng lực về trang thiết bị cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các bộ, ngành và địa phương.”

Theo ý kiến của Kiểm toán Nhà nước<sup>17</sup>, một số dự án tăng cường năng lực nghiên cứu của tổ chức khoa học là mua sắm máy móc thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, việc báo cáo xin phê duyệt dự án đầu tư đòi hỏi mất nhiều thời gian, nguồn lực và phải nằm trong kế hoạch trung hạn, vì vậy dẫn đến không đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu khoa học của các tổ chức KH&CN. Luật NSNN có quy định về việc Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định mức phân bổ chi đầu tư, chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho mỗi thời kỳ ổn định ngân sách. Tại các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định về định mức phân bổ chi thường xuyên áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán đều có nội dung quy định định mức phân bổ chi thường xuyên đã bao gồm kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định; kinh phí cho một số nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định. Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công theo hướng: “Điều 6 của Luật Đầu tư công không quy định nhiệm vụ, khoản chi nào phải dùng vốn đầu tư công, không quy định chi sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc. Ủy ban Thường vụ Quốc hội khẳng định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan khác không có quy định nào cấm sử dụng chi thường xuyên để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc.” Vì vậy, cần có sự phân định giữa chi tăng cường năng lực nghiên cứu sử dụng chi đầu tư phát triển và chi mua sắm máy móc, trang thiết bị sử dụng chi sự nghiệp cho phù hợp cho phù hợp quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và nhu cầu thực tiễn của hoạt động KH&CN ở các tổ chức KH&CN công lập.

*1.4. Về chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và nội dung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ để duy trì hoạt động của các trung tâm:*

Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định

<sup>17</sup> Công văn số 324/KTNN-CNIII ngày 20/3/2024 của Kiểm toán Nhà nước về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP

hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế “*Phát triển các trung tâm và mạng lưới đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với khu công nghệ cao, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu; triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục; xây dựng các vườn ươm công nghệ, nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở;*”

Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 đã đề ra nhiệm vụ: “*Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trong năm 2023, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.*”

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ: “*b) Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu.*” (điểm b khoản 2 mục IV).

Tuy nhiên, hiện nay, khái niệm về “*trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo*” chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. Về các khái niệm liên quan tới khởi nghiệp sáng tạo, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có quy định về khái niệm “*doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo*”; Nghị định số 94/2020/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia có quy định về “*đối tác hỗ trợ đổi mới sáng tạo*”; Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã có khái niệm về “*tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*”<sup>18</sup>.

## 2. Về cơ chế quản lý tài chính cho nhiệm vụ KH&CN

Quy định về xây dựng dự toán và kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN hiện nay dù đã đổi mới nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của cộng đồng khoa học khi vẫn tồn tại nhiều bất cập, vướng mắc: (1) Khó khăn trong xác định ngày công khi thẩm định nhiệm vụ KH&CN, thiếu cơ sở xác định trong lĩnh vực khoa học xã hội và chưa theo học hàm học vị mà chỉ theo chức danh tham gia thực hiện, định mức ngày công đối với các thành viên tham gia còn thấp, chưa đủ để khích lệ nhà khoa học tham gia nghiên cứu, việc sử dụng hệ số nhân với mức lương cơ sở còn thấp và sẽ không phù hợp với đề án tiền lương mới theo chức danh và vị trí việc làm đang hướng tới, chưa có quy định tiêu chí để xác định số lượng thành viên và thời gian tham gia; (2) Hệ số tiền công thấp và thời gian làm thêm giờ không quá

<sup>18</sup> Công văn số 3827/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 20/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

200 giờ/năm khiến mức tiền công nghiên cứu KH&CN quá thấp, không đủ đảm bảo thu nhập và chưa phải mức đãi ngộ xứng đáng với chất xám và công sức của nhà khoa học; (3) Định mức của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ thấp tuy nhiên vai trò rất quan trọng trong việc định hướng nghiên cứu, ra đầu bài cho nhiệm vụ; (4) Chưa có định mức tiền công thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài nên khó khăn trong việc thương thảo hợp đồng khoán việc hay chọn chuyên gia phù hợp với mức kinh phí hội đồng sẽ chấp thuận; (4) Nhiều nhiệm vụ cần có tổ chuyên gia kỹ thuật hỗ trợ để cung cấp thông tin cho hội đồng thẩm định, đánh giá nhiệm vụ nhưng chưa có nội dung, định mức chi; (5) Chưa có quy định trả thù lao bổ sung cho hoạt động điều phối quản lý chương trình KH&CN của các đơn vị quản lý; (6) Thực tế việc dự toán công lao động theo các chức danh nhưng khi thanh quyết toán lại là khoán chi nên cần quy định rõ hồ sơ thanh quyết toán để tránh có nhiều cách hiểu khác nhau: có cần bảng chấm công hay không, ký hợp đồng giao việc và chuyển tiền cho từng người hay cho đầu mối chịu trách nhiệm chính.

*Về ban hành và thực hiện cơ chế khoán chi:* Thực tế khi triển khai cơ chế khoán chi theo Thông tư số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC, các nhiệm vụ KH&CN chủ yếu thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần, cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đã được triển khai thực hiện, nhưng không phổ biến; chủ yếu triển khai đối với các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản tài trợ thông qua Quỹ Nafosted<sup>19</sup>.

Mục tiêu của cơ chế khoán chi là giảm ràng buộc về thủ tục hành chính, chứng từ chi tiêu để các nhà khoa học có thể tập trung, chuyên tâm cho nghiên cứu khoa học; nhưng với các chính sách hiện nay, ngoài việc được tự chủ trong việc điều chỉnh dự toán các nội dung chi khoán hay điều chỉnh định mức chi của các nội dung khoán; việc chi tiêu, thanh toán các nhiệm vụ KH&CN vẫn phải chịu sự điều chỉnh của Luật Kế toán, Luật NSNN, Luật Đấu thầu. Mặc dù Thông tư số 27/2015/TTLT/BKH&CN-BTC đã đơn giản thủ tục kiểm soát chi của KBNN, nhưng trách nhiệm kiểm soát chi lại giao cho các đơn vị quản lý kinh phí thuộc các Bộ, ngành và các tổ chức chủ trì; nhà khoa học vẫn phải hoàn thiện các chứng từ thực thanh, thực chi hợp pháp cho các nội dung thanh toán; vẫn phải thực hiện các thủ tục liên quan đến đấu thầu mua sắm; vẫn phải chịu trách nhiệm trước nhà nước về việc sử dụng NSNN (trong khi hiệu quả của hoạt động nghiên cứu có độ trễ, chưa được chứng minh ngay thì trách nhiệm sử dụng NSNN thường được kiểm soát bằng sự minh bạch, đầy đủ của chứng từ chi tiêu).

Việc khoán chi đến sản phẩm cuối cùng nhằm trao quyền chủ động cho chủ nhiệm nhiệm vụ; đơn giản hóa trong việc thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, được coi là bước đột phá trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, các đề tài, dự án phải đảm bảo “*đã xác định*

<sup>19</sup> Năm 2016 có 42 nhiệm vụ; 2017 có 77 nhiệm vụ; 2018 có 52 nhiệm vụ; 2019 có 57 nhiệm vụ; 2020 có 42 nhiệm vụ.

*được rõ tên sản phẩm cụ thể, chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm, đơn vị đo, mức chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt được, số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra, địa chỉ ứng dụng*”. Nếu theo tiêu chuẩn này gần như 100% đề tài, dự án nghiên cứu đã đạt tới sản phẩm cuối cùng với số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra và địa chỉ ứng dụng. Điều này chưa phù hợp với thực tế và tính chất rủi ro của hoạt động nghiên cứu khoa học.

Sản phẩm của đề tài, nhiệm vụ KH&CN còn có nhiều yếu tố vô hình khó lượng hoá, đánh giá rõ ràng thông qua các chỉ tiêu kỹ thuật; Kho bạc nhà nước (KBNN) không thực hiện kiểm soát chi tuy nhiên khối lượng các chứng từ chi tiêu, đấu thầu mua sắm mà tổ chức chủ trì phải lưu giữ để phục vụ cho thanh, kiểm tra gần như không thay đổi so với phương thức khoán chi từng phần trong khi lại bị hạn chế trong việc điều chỉnh một số nội dung của nhiệm vụ;....

Khi hoạt động nghiên cứu KH&CN không được áp dụng các cơ chế đặc thù hơn so với các dòng chi khác từ NSNN (từ việc phân bổ, giao dự toán, đấu thầu, thanh quyết toán, chứng từ chi tiêu) đối với việc kiểm soát chi của KBNN; đối với sự kiểm tra của cơ quan thanh tra, kiểm toán; đối với trách nhiệm của đơn vị quản lý dự toán NSNN; ... thì rất khó có được một cơ chế tài chính thực sự đơn giản hóa, thực sự cởi trói cho các nhà khoa học trong việc thanh quyết toán kinh phí NSNN.

*Về ban hành các văn bản hướng dẫn về quản lý tài chính nhiệm vụ, chương trình KH&CN:* Việc ban hành một số thông tư quản lý tài chính thực hiện chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia còn chậm, làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, triển khai thực hiện Chương trình; Các quy định về thủ tục thanh, quyết toán kinh phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ còn phức tạp; Các quy định về định mức chi phân bổ, xây dựng dự toán kinh phí chưa thực sự phù hợp, chưa theo kịp bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước (ví dụ: vấn đề về định mức ngày công, vấn đề căn cứ xác định số lượng ngày công, dự toán kinh phí có độ lệch so với thực tế tại thời điểm triển khai do quá trình xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ kéo dài...).

*Về ban hành và thực hiện các quy định về xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ sử dụng NSNN:* Khó khăn, vướng mắc nhất hiện nay là vướng mắc trong việc triển khai áp dụng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước (Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.... và các thông tư hướng dẫn). Tài sản hình thành từ kết quả từ nhiệm vụ KH&CN có sử dụng vốn nhà nước có rất nhiều đặc thù (vô hình, hữu hình, những sản phẩm mới chưa có trên thị trường, rất nhiều loại tài sản trong các lĩnh vực khác nhau và có cả những yếu tố rủi ro); tuy nhiên cơ chế quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hiện hành đang được xây dựng như những tài sản hữu hình từ các ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước mà chưa phù hợp với đặc thù của các sản phẩm KH&CN. Dẫn đến có nhiều bất cập, như: xác định phạm

vi tài sản trang bị cần xử lý; cơ chế tính hao mòn/khấu hao của tài sản trang bị; quy trình, thủ tục, thẩm quyền xử lý tài sản; việc xác định giá tài sản là kết quả của các nhiệm vụ KH&CN chưa phù hợp với đặc điểm của loại tài sản này, tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý cho người thực hiện; quy định về thương mại hoá tài sản là kết quả của nhiệm vụ KN&CN chưa rõ, chưa phù hợp và khó thực hiện; quy định về đối tượng được nhận giao tài sản là kết quả từ các nhiệm vụ KH&CN còn hạn chế... Đây cũng là những hạn chế ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu KH&CN và việc quản lý, khai thác có hiệu quả tài sản hình thành từ các nhiệm vụ KH&CN.

*Về xây dựng và thực hiện các quy định về thương mại hoá kết quả nghiên cứu:* theo thông lệ quốc tế, khoản kinh phí NSNN cấp cho các đề tài là các khoản hỗ trợ, không phải là các khoản đầu tư, không tính toán phân chia lợi nhuận như các khoản đầu tư. Theo đó các viện, trường, doanh nghiệp của các nước được chủ động thương mại hóa các kết quả nghiên cứu và tự chủ về nguồn thu từ hoạt động này. Ở nước ta, các khoản chi từ NSNN cho các đề tài là khoản đầu tư từ NSNN, được tính toán phân chia lợi nhuận từ kết quả của hoạt động đầu tư. Việc định giá và phân chia lợi nhuận tiềm ẩn nhiều rủi ro vi phạm pháp luật cũng là một trong những nguyên nhân của việc tỷ lệ thương mại hóa kết quả nghiên cứu thấp.

Về việc thương mại hoá các kết quả nghiên cứu, theo thông lệ chung trên thế giới thì kết quả nghiên cứu của đề tài (không bao gồm nghiên cứu cơ bản) được phân thành 03 nhóm là: (1) có thể thương mại hóa ngay sau kết thúc nghiên cứu; (2) các kết quả cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện từ quy mô pilot để có thể thương mại hóa và (3) Đề tài không thành công. Qua rà soát đánh giá các Luật và văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến thương mại hóa kết quả nghiên cứu, Bộ KH&CN nhận thấy đang tồn tại một số vấn đề trái với quy luật phát triển khách quan của KH&CN; trái với thông lệ và thực tiễn pháp lý của các nước phát triển khi họ ở cùng ngưỡng trình độ công nghệ tương tự Việt Nam hiện nay. Các vướng mắc đang tạo ra điểm nghẽn của việc đưa kết quả nghiên cứu vào trong khu vực sản xuất kinh doanh bao gồm: (i) Vướng mắc về giao quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (ii) Vướng mắc trong định giá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (iii) Vướng mắc về phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hoá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ tạo ra từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (iv) Vướng mắc về cơ chế thành lập doanh nghiệp khởi nguồn trên cơ sở nghiên cứu của đơn vị sự nghiệp công lập; (v) Vướng mắc trong cơ chế góp vốn và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp dạng khởi nguồn công nghệ (spin-off) từ viện nghiên cứu, trường đại học.

### *3. Về trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp*

*Chưa bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp:* Cùng là doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp nhà nước phải trích lập từ 3-10% lợi nhuận trước thuế, trong khi các doanh nghiệp khác thì chỉ quy định trích lập

tối đa 10%, thậm chí không trích lập Quỹ. Điều này đi ngược lại chính sách khuyến khích huy động nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

*Tỉ lệ trích lập Quỹ chưa phù hợp cơ cấu và quy mô doanh nghiệp Việt Nam:* Đặc thù ở Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm đa số, nguồn thu nhập trước thuế của các doanh nghiệp này không lớn, nếu áp dụng cùng tỉ lệ trích lập Quỹ tối đa 10%/năm thì số tiền trích lập Quỹ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất nhỏ, cho dù có cộng dồn 5 năm vẫn không đủ để doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ. Mặt khác, doanh nghiệp FDI có nhu cầu và tốc độ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ rất lớn nhưng qua khảo sát thực tế gần như không có doanh nghiệp FDI nào trích lập Quỹ này. Điều này cho thấy các quy định về việc khuyến khích trích lập và sử dụng Quỹ chưa đủ hấp dẫn doanh nghiệp.

*Chế tài xử lý vi phạm pháp luật về Quỹ chưa đồng bộ và chặt chẽ:* Thiếu chế tài xử lý doanh nghiệp nhà nước không trích lập hoặc trích lập không đủ tỉ lệ tối thiểu 3% theo quy định dẫn đến tình trạng tỉ lệ doanh nghiệp trích lập Quỹ và số tiền Quỹ được trích lập đều rất thấp.

*Quy định pháp luật về Quỹ chưa phù hợp với pháp luật về doanh nghiệp:* Khoản 11 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020 quy định “*Doanh nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ...*”, trong khi pháp luật về Quỹ lại căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2014, theo đó “*doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*”. Điều này dẫn đến bất cập trong việc xử lý vi phạm về trích lập Quỹ của doanh nghiệp nhà nước có tỉ lệ trích lập Quỹ tối thiểu trong năm thấp hơn 3%.

*Việc trích lập Quỹ đôi khi làm ảnh hưởng đến tiêu chí đánh giá, xếp loại doanh nghiệp:* Một trong những tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp quy định tại Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước (Nghị định số 87/2015/NĐ-CP) là tiêu chí doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu... Việc trích lập, tăng trích lập Quỹ sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, trực tiếp ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp nhà nước. Thực tế cho thấy, doanh nghiệp e ngại về rủi ro pháp lý sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông, thương hiệu, uy tín và xếp hạng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán do quy định phải nộp thuế và tiền chậm nộp cho số Quỹ chi không hết sau 05 năm.

Về trích lập Quỹ, trên cơ sở quy định của pháp luật, các doanh nghiệp thực hiện việc trích lập Quỹ, trong đó tập trung chủ yếu tại một số doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn, hoạt động hiệu quả. Cụ thể: tổng số trích lập của

10 doanh nghiệp trích lập Quỹ lớn nhất là 16.069 tỷ đồng trên tổng số trích lập 21.950 tỷ đồng, chiếm 73.2% tổng số trích lập Quỹ của cả nước. Về sử dụng Quỹ, tỷ lệ sử dụng Quỹ tại các doanh nghiệp nhà nước lớn là rất thấp, ví dụ như: Tập đoàn VNPT mới sử dụng được 11%, Tập đoàn Viettel ở mức cao hơn khoảng 47%, Tập đoàn MobiFone không giải ngân được trong giai đoạn 2018-2021, Tổng công ty SCIC không giải ngân được trong giai đoạn 2016-2020<sup>20</sup>.

Theo ý kiến của Tổ Công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về việc triển khai Nghị quyết Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XV về xem xét, xử lý kết quả hệ thống văn bản quy phạm pháp luật<sup>21</sup>: Trên thực tế nhu cầu và quy mô đầu tư, phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp nhà nước là khác nhau tại từng doanh nghiệp và tại từng thời điểm cụ thể. Do đó, việc quy định doanh nghiệp nhà nước bắt buộc phải trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (tối thiểu 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp) là chưa thực sự phù hợp. Trong khi đó, theo điểm a khoản 5 Điều 11 Nghị định 95/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Khoa học công nghệ, trường hợp doanh nghiệp nhà nước chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% trong thời hạn 5 năm kể từ năm trích lập của Quỹ thì doanh nghiệp phải nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc của cơ quan chủ quản. Dẫn đến khả năng phát sinh trường hợp doanh nghiệp quản lý, sử dụng vốn nhà nước không hiệu quả. Trong khi đó, để đáp ứng nhiệm vụ nâng cao năng lực khoa và công nghệ của doanh nghiệp theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp hoàn toàn có thể sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ này mà không nhất thiết phải tiến hành trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Ngoài ra, hiện nay trên thực tế nhiều doanh nghiệp chưa có đủ các điều kiện về nguồn lực tài chính, con người, cơ sở vật chất để phục vụ cho việc quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định. Do vậy, Tổ Công tác kiến nghị *sửa đổi, bổ sung* Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng *khuyến khích (không bắt buộc)* doanh nghiệp nhà nước phải trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để tháo gỡ vướng mắc thực tế cho doanh nghiệp.

*Thời gian hiệu lực của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về cơ bản không đủ thời gian để doanh nghiệp triển khai, thực hiện mua máy móc, thiết bị đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp sản xuất kinh doanh:* Doanh nghiệp để có thể đầu tư đổi mới máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh cần thực hiện theo một quy trình kỹ lưỡng nhiều giai đoạn từ lúc có ý tưởng, lựa chọn công nghệ đến khi triển khai đầu tư và đưa vào hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và kéo dài nhiều năm tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Do vậy, quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 05/2022/TT-BKH-CN và điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 67/2022/TT-BTC cho phép doanh nghiệp

<sup>20</sup> Công văn số 3827/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 20/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

<sup>21</sup> Tại Công văn số 727/TCT ngày 06/02/2024 của Tổ công tác.

được sử dụng Quỹ mua máy móc, thiết bị đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp sản xuất kinh doanh trong hai năm là 2022 và năm 2023 (thời gian hiệu lực của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội) về cơ bản không đủ thời gian để doanh nghiệp triển khai, thực hiện.

*Khó phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nội dung chi của Quỹ cho nghiên cứu KH&CN:* Các văn bản pháp luật quy định doanh nghiệp khi hình thành Quỹ phải xây dựng các quy chế, điều lệ quy định về việc trích lập và sử dụng Quỹ gửi các cơ quan hữu quan gồm Sở KH&CN, Sở Tài chính, Cục thuế địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký thuế để làm căn cứ cho doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ và làm căn cứ cho các cơ quan quản lý nhà nước đối chiếu, giám sát, thanh tra, kiểm tra. Việc quản lý nhà nước về Quỹ áp dụng theo chế độ hậu kiểm, trong khi hướng dẫn nội dung chi còn thiếu cụ thể dễ dẫn đến rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp. Chưa quy định cơ quan chịu trách nhiệm chính quản lý về Quỹ và cơ chế giám sát nội dung chi của Quỹ, quyết toán chi của Quỹ; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về Quỹ.

*Nhiều quy định mới nhưng vẫn chưa tương thích, đồng bộ:* Thông tư số 05/2022/TT-BKH&CN ngày 31/5/2022 của Bộ KH&CN hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp đã thay thế một số điều của Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính hướng dẫn về nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp (Thông tư số 05/2022/TT-BKH&CN). Thông tư số 05/2022/TT-BKH&CN về cơ bản đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung chi mới của Quỹ. Tuy nhiên, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP vẫn chưa được sửa đổi, trong đó nhiều nội dung chi có tính chất KH&CN tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP<sup>22</sup> được chi bằng NSNN, nhưng lại không được chi bằng Quỹ (Điều 10 Nghị định 95/2014/NĐ-CP), mặc dù bản chất Quỹ cũng một phần là NSNN và nhiều nội dung chi khác của Quỹ lại chưa cụ thể, rõ ràng, thủ tục còn phức tạp, khó thực hiện.

*Thủ tục hành chính trong kiểm soát chi của Quỹ chưa linh động và chưa phù hợp với tính đặc thù của Quỹ (đối với doanh nghiệp nhà nước):* Nguồn trích lập Quỹ từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp nhà nước, về bản chất chỉ có một phần là NSNN nhưng áp dụng toàn bộ nguyên tắc quản lý NSNN cho các hoạt động có tính rủi ro cao, thiếu tính ổn định theo năm mà phụ thuộc rất lớn vào nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp tại thời điểm nhất định. Do đó việc áp dụng các nguyên tắc quản lý NSNN cho quản lý Quỹ là không phù hợp, hạn chế sự chủ động của doanh nghiệp như được quy định tại Điều 63 Luật KH&CN “Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích thành lập”. Việc mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN phải thực hiện theo thủ tục đấu thầu theo pháp luật về đấu thầu dự án đầu tư mất nhiều thời gian, không phù hợp với tính

<sup>22</sup> Chi hỗ trợ hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN, khen thưởng KH&CN, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế...

mới, tính hiểm, tính kịp thời, tính rủi ro cao của hoạt động KH&CN.

*Quy định pháp luật về xử lý Quỹ được trích lập nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% chưa khuyến khích doanh nghiệp trích lập Quỹ và tích lũy Quỹ cho các dự án nghiên cứu dài hạn:* Theo quy định, sau 05 năm trích lập nếu Quỹ chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% sẽ được xử lý như sau: (1) phải điều chuyển toàn bộ nguồn Quỹ còn lại cho Quỹ quốc gia, Quỹ của Bộ, hoặc Quỹ cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế và sẽ được hỗ trợ lại khi doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng cho nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp với số tiền hỗ trợ bằng hoặc cao hơn số tiền doanh nghiệp đã điều chuyển. Tuy nhiên, để được sử dụng số Quỹ đã điều chuyển, doanh nghiệp phải làm các thủ tục rất chặt chẽ, mất nhiều thời gian, làm nản lòng doanh nghiệp, trong khi về thực chất nguồn này là thành quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải được tự quyết định; (2) riêng đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và lãi phạt chậm nộp tính trên số tiền Quỹ còn lại, trong khi phần Quỹ còn lại sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế thực chất là thu nhập của doanh nghiệp, có thể được hoàn lại thu nhập cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy định pháp luật về Quỹ chưa quy định nội dung này nên doanh nghiệp không thể thực hiện được<sup>23</sup>. Trong khi đó, các khoản chi kể cả chi cho đầu tư và nghiên cứu khoa học phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có hóa đơn, chứng từ hợp pháp đều được đưa vào chi phí và được khấu trừ trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thủ tục chi đơn giản hơn nhiều so với chi từ Quỹ.

*Quản lý tài sản hình thành từ Quỹ còn nhiều bất cập:* Điều 13 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC nay được quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, tài sản cố định hình thành từ Quỹ chưa hết hao mòn nếu chuyển sang phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì phải hạch toán vào *thu nhập khác* và phần giá trị còn lại của tài sản cố định đó được trích khấu hao, tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, trong một số loại hình doanh nghiệp mức thuế này cao hơn rất nhiều so với mức thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp đầu tư tài sản từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp<sup>24</sup>. Về bản chất doanh nghiệp chỉ có thu nhập từ các kỳ kinh doanh trong quá trình sử dụng tài sản nhưng đã phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với toàn bộ giá trị tài sản ngay tại thời điểm chuyển sang hoạt động sản xuất

<sup>23</sup> Tại Tập đoàn Viễn thông Việt Nam (VNPT) việc hoàn lại thu nhập chỉ được cơ quan Kiểm toán chấp thuận khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, hướng dẫn này chỉ mang tính cá biệt hướng dẫn từng năm theo từng văn bản kiến nghị của doanh nghiệp.

<sup>24</sup> Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần sản xuất kinh doanh chính với mức 5%, nhưng khi doanh nghiệp chuyển phần tài sản hình thành từ Quỹ sang hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải hạch toán vào thu nhập khác với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%, nghĩa là doanh nghiệp phải nộp thêm 15% thuế so với trường hợp đầu tư tài sản từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

kinh doanh, dẫn đến việc không khuyến khích doanh nghiệp chi mua sắm tài sản phục vụ nghiên cứu khoa học từ nguồn Quỹ hoặc nếu có mua sắm tài sản thì trì hoãn chuyển tài sản hành thành từ Quỹ sang hoạt động sản xuất kinh doanh và điều này đi ngược lại quan điểm và mục tiêu hình thành Quỹ để thúc đẩy doanh nghiệp nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ.

*Thủ tục mua sắm phục vụ nhiệm vụ KH&CN chưa phù hợp tình hình thực tế:* Việc mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN phải thực hiện theo thủ tục đấu thầu theo pháp luật về *đấu thầu dự án đầu tư* với thủ tục phức tạp, mất rất nhiều thời gian, không phù hợp với tính mới, tính hiếm, tính kịp thời, tính rủi ro cao của hoạt động KH&CN.

*Quy định về lãi suất tính lãi chậm nộp không còn phù hợp:* Lãi chậm nộp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp của Quỹ được trích lập khi không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% được tính theo lãi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 1 năm không còn phù hợp với thực tế thị trường trái phiếu hiện nay; không phù hợp với các Nghị quyết của Trung ương và Quốc hội<sup>25</sup>, Bộ Tài chính đã không còn phát hành trái phiếu ngắn hạn 01 năm nhằm giảm áp lực đảo nợ của NSNN trong ngắn hạn, đảm bảo an toàn nền tài chính quốc gia.

*Vẫn còn thiếu các quy định hướng dẫn về Quỹ:* Chưa có hướng dẫn cụ thể về định mức, quy trình triển khai ở các nội dung chi: Cụ thể là thiếu định mức, quy trình theo từng nội dung chi của Quỹ như mua quyền sử dụng, quyền sở hữu<sup>26</sup>; định mức chi thuê chuyên gia, các nội dung được phép thuê chuyên gia, tiêu chuẩn chuyên gia; chưa hướng dẫn cụ thể trong sử dụng Quỹ để bố trí kinh phí đối ứng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển hợp tác với các tổ chức KH&CN trong và ngoài nước; về trách nhiệm của doanh nghiệp khi sử dụng Quỹ cho các nội dung chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN không thành công vì các yếu tố khách quan; chưa có hướng dẫn giải quyết rủi ro trong hợp đồng đào tạo nhân lực KH&CN<sup>27</sup>; chưa hướng dẫn trường hợp hoàn nhập thu nhập đối với khoản trích lập Quỹ sau 05 năm không sử dụng hết sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nộp về Quỹ Quốc gia, Quỹ của Bộ, ngành, địa phương.

### III. Đề xuất, kiến nghị

#### ***1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 4 nội dung chi NSNN cho KH&CN***

<sup>25</sup> Nghị quyết số 78/2014/QH13, Nghị quyết số 99/2015/QH13, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, Nghị quyết số 25/2016/QH14, Nghị quyết số 23/2021/QH15...

<sup>26</sup> Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, kiểu dáng công nghiệp; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự thực hiện, xác định/thẩm định bí quyết công nghệ, kiến thức kỹ thuật được chuyển giao, thẩm định giá công nghệ;

<sup>27</sup> Trong trường hợp đối tượng nhận đào tạo không tuân thủ hợp đồng, không thể liên lạc do không có thông tin hoặc đang không trên lãnh thổ Việt Nam.

1.1. Sửa đổi, bổ sung quy định về chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ (điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP) và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP) để đảm bảo phân định rõ về phạm vi, tiêu chí, đối tượng điều chỉnh, tổng mức đầu tư giữa dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, máy móc để phân định ranh giới giữa các dự án thực hiện từ nguồn kinh phí đầu tư công với các nhiệm vụ được sử dụng từ nguồn chi thường xuyên.

1.2. Bổ sung nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và nội dung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ để duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

1.3. Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định 95/2014/NĐ-CP quy định về chi thường xuyên và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập theo quy định pháp luật về định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

1.4. Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhằm làm rõ việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chất lượng cao thuộc các danh mục có uy tín so với quy định trước đây “*k) Hỗ trợ... công bố kết quả nghiên cứu khoa học; ...*”.

## ***2. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN***

2.1. Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về việc giao Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN.

2.2. Bổ sung quy định về việc áp dụng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng nhằm đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện pháp luật về NSNN.

## ***3. Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp***

3.1. Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về tỷ lệ trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp Nhà nước theo hướng: doanh nghiệp chủ động xác định tỷ lệ trích lập Quỹ tối thiểu nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập năm nhằm đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác. Đồng thời, việc sửa đổi quy định này cũng làm giảm

các ảnh hưởng đến đánh giá hiệp quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

3.2. Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP:  
*“3. Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định khuyến khích doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ cho doanh nghiệp và cho ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.”*

3.3. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về nội dung chi của Quỹ, cụ thể bao gồm:

3.3.1. Sửa đổi quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP để đảm bảo quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được thực hiện sau khi Nghị quyết số 43/2022/QH15 hết thời gian hiệu lực thi hành.

3.3.2. Bổ sung quy định cho phép các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III: *“Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.”*; đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP: *“...nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”* và tại khoản 6 Chi thị số 12/CT-TTg: *“Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để tạo điều kiện thực hiện đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”*.

3.3.3. Bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp “d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nói lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp”.

Trên đây là nội dung báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ./.

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO****BÁO CÁO****Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015<sup>28</sup>, được sửa đổi, bổ sung năm 2020<sup>29</sup>, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; và tại Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ. Kết quả rà soát như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT****1. Mục đích, yêu cầu rà soát**

Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật hiện hành, trong đó, đặc biệt là đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật: pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công.

**2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát**

Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát văn bản là toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương ban hành còn hiệu lực đến thời điểm rà soát (bao gồm cả các văn bản đã được ban hành nhưng đến thời điểm rà soát chưa có hiệu lực, trừ Hiến pháp).

<sup>28</sup> Khoản 2 Điều 19 và khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

<sup>29</sup> Bộ Tư pháp có văn bản số 1293/BTP-VĐCXDPL ngày 14/3/2024 trả lời việc lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP: Theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì phải xây dựng đề nghị xây dựng nghị định. Hồ sơ đề nghị xây dựng được thực hiện theo khoản 1 Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

### 1. Kết quả chung

Bộ KH&CN được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị định đã tiến hành rà soát các Luật, các Nghị định của Chính phủ và các văn bản liên quan. Qua rà soát đã xác định được có 19 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bao gồm các văn bản sau:

#### a) Luật (5):

- Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013.
- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.
- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

#### b) Nghị quyết của Quốc hội (3):

- Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.
- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV.

#### c) Nghị quyết của Bộ Chính trị:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

#### c) Văn bản của Quốc hội:

- Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 15 về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công.

#### d) Văn bản của Đảng:

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.

#### đ) Các Nghị định của Chính phủ (7):

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

- Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

e) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (3):

- Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

g) Các văn bản liên quan (1):

- Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

## **2. Kết quả cụ thể**

**2.1. Quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN tại Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP:**

2.1.1. Làm rõ quy định về chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ (điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP) và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP)

Khoản 4 và khoản 6 Điều 4 Luật NSNN quy định:

*“4. Chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.*

6. Chi thường xuyên là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.”

Điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công quy định: “a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;”

Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công theo hướng: “Điều 6 của Luật Đầu tư công không quy định nhiệm vụ, khoản chi nào phải dùng vốn đầu tư công, không quy định chi sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc. Ủy ban Thường vụ Quốc hội khẳng định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan khác không có quy định nào cấm sử dụng chi thường xuyên để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc.”

Theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, tại Phụ lục đã phân loại dự án quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 của Luật Đầu tư công bao gồm:

- a) Đầu tư cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ;
- b) Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm;
- c) Trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định;
- d) Phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ;
- đ) Dự án Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng;
- e) Trạm, trại thực nghiệm;
- g) Dự án tổng thể hạ tầng khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- h) Mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn, quan trắc môi trường, quan trắc tài nguyên nước, đo đạc bản đồ, quản lý đất đai, địa chất khoáng sản;
- i) Đầu tư hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin;
- k) Dự án bảo mật và an toàn thông tin điện tử;
- l) Hạ tầng thương mại điện tử, giao dịch điện tử;

m) *Tháp thu, phát sóng truyền thanh, truyền hình, cột BTS;*

n) *Dự án phát thanh, truyền hình.”*

Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học quy định:

*“2. Chi ngân sách nhà nước cho phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học công lập gồm các nội dung sau đây:*

a) *Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: ...chi cho dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị; ...*

b) *Từ nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: Chi cho dự án phòng thí nghiệm đầu tư tập trung, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học và dự án đầu tư phát triển khoa học công nghệ khác;”*

Khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công *“1. Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu; không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công.”*

a) *Bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP:*

- *Bổ sung quy định để làm rõ các nội dung chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Đầu tư công;*

- *Bổ sung quy định cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án. Lý do: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công *“a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;”**

- *Bổ sung đối tượng điều chỉnh là: trại thực nghiệm<sup>30</sup>; phòng tiêu bản, phòng trưng bày, lưu giữ mẫu<sup>31</sup>; trung tâm đổi mới sáng tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo<sup>32</sup>.*

<sup>30</sup> Ý kiến của Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên tại văn bản số 367/KHCN-KHTC ngày 18/3/2024 về việc tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

<sup>31</sup> Ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 2343/BNN-KHCN ngày 02/4/2024 về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

<sup>32</sup> Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ tại điểm b khoản 2 mục IV.

Sau khi rà soát các quy định pháp luật có liên quan đã nêu ở trên, nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung dự kiến tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau: “*a) Chi đầu tư cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện dự án xây dựng mới; dự án cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án; dự án tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; trạm, trại thực nghiệm; phòng tiêu bản, phòng trưng bày, lưu giữ mẫu; trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; trung tâm đổi mới sáng tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.*”

b) Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP<sup>33</sup>:

- Làm rõ quy định về chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm duy trì công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của tài sản công (khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công “*1. Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu; không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công.*”)

- Bổ sung quy định về nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, nâng cấp công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của trang thiết bị nghiên cứu (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, cần phải thực hiện ngay trong năm ngân sách (quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật NSNN và Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

- Bổ sung quy định về nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm tài sản, trang thiết bị chuyên dùng của các tổ chức KH&CN công lập; mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN. Căn cứ đề xuất: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công “*b) Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà*

<sup>33</sup> Bộ Tài chính đã có ý kiến tại văn bản số 6349/BTC-HCSN ngày 20/6/2024 góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

*nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật” và điểm a khoản 2 Điều 28 “a) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành” và Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.*

Đối với nội dung bổ sung: (i) nhiệm vụ Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, nâng cấp công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của trang thiết bị nghiên cứu (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; (ii) nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ KH&CN đề xuất quy định cụ thể trong Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất với các quy định đang được xây dựng tại dự thảo Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng<sup>34</sup>.

Sau khi rà soát các quy định pháp luật có liên quan đã nêu ở trên, nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tại điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cụ thể như sau:

*“m) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ cho:*

*- Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo duy trì công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của tài sản công;*

*- Chi để thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, nâng cấp công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của trang thiết bị nghiên cứu (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, cần phải thực hiện ngay trong năm ngân sách;*

*- Chi để thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm tài sản, trang thiết bị chuyên dùng của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.”*

<sup>34</sup> Tờ trình số 100/TTr-BTC ngày 10/5/2024 của Bộ Tài chính đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

2.1.2. Bổ sung nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và nội dung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ để duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế *“Phát triển các trung tâm và mạng lưới đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với khu công nghệ cao, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu; triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục; xây dựng các vườn ươm công nghệ, nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở;”*

Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 đã đề ra nhiệm vụ: *“Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trong năm 2023, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.”*

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ: *“b) Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu.”* (điểm b khoản 2 mục IV).

Do vậy, để đảm bảo triển khai chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, Bộ KH&CN đề xuất:

a) Bổ sung quy định về nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP (tại điểm a mục 2.1.1 nêu ở trên).

b) Bổ sung quy định về chi nhằm bảo đảm và duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại điểm n0 khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

*“n0) Các khoản chi nhằm bảo đảm và duy trì của trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;”*

2.1.3. Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP quy định về chi thường xuyên và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Để phù hợp với quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP:

Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định: “3. *“Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước” là dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu và dịch vụ sự nghiệp công mang tính đặc thù của một số ngành, lĩnh vực thuộc danh mục do cấp có thẩm quyền ban hành, được Nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện.*”

Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định: “b) *Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương); Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tiếp tục thực hiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền ban hành trong trường hợp danh mục hiện hành phù hợp với quy định tại điểm a khoản này; đồng thời, rà soát để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.*”

Tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định: “b) *Đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, được Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (không bao gồm khấu hao tài sản cố định).*”

Do vậy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP sẽ được sửa đổi theo hướng: NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền giao và kinh phí được NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính.

Sau khi rà soát các quy định pháp luật có liên quan đã nêu ở trên, nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cụ thể như sau:

“b) *Chi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ được cấp có thẩm quyền ban hành do Nhà nước bảo đảm kinh phí và bảo đảm một phần kinh*

*phí; kinh phí chi thường xuyên hoặc hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ cơ quan có thẩm quyền giao hoặc đặt hàng; kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.”*

1.2.4. Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhằm làm rõ việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chất lượng cao thuộc các danh mục có uy tín so với quy định trước đây *“k) Hỗ trợ... công bố kết quả nghiên cứu khoa học; ...”*.

Điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học quy định: *“a) Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: ... hỗ trợ kinh phí công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích; hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ương tạo và đổi mới công nghệ; hỗ trợ phát triển, nâng cao chất lượng tạp chí khoa học để gia nhập hệ thống trích dẫn khu vực và quốc tế; ... mua cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; chi thường bằng mức lương thấp nhất bình quân cho công bố khoa học có giá trị, bằng 03 lần mức lương bình quân cho 01 sáng chế, bằng 02 lần mức lương bình quân cho 01 giải pháp hữu ích hoặc 01 giống cây trồng; ...”*

Sau khi rà soát các quy định pháp luật có liên quan đã nêu ở trên, nội dung đề xuất bổ sung điểm k khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cụ thể như sau:

*“k) Hỗ trợ đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chất lượng cao thuộc các danh mục có uy tín hoặc in thành sách, chương sách được nhà xuất bản có uy tín xuất bản<sup>35</sup>; khen thưởng, giải thưởng khoa học và công nghệ;”*

## **2.2. Quy định về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN tại Điều 5 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP**

2.2.1. Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP: *“4. Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ.”*

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Luật NSNN, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định mức phân bổ chi thường xuyên, chi đầu tư NSNN áp dụng cho mỗi thời kỳ ổn định ngân sách. Chẳng hạn quy định tại điểm a

<sup>35</sup> Công văn số 3827/BKHĐT-KHGD TNMT ngày 20/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP; Công văn số 2976/BNG-HVNG ngày 13/6/2024 của Bộ Ngoại giao về việc góp ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

2.2.2. Bổ sung khoản 5 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP liên quan đến việc áp dụng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

Khoản 3 Điều 1 của dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng quy định: *“Đối với các nội dung, nhiệm vụ chi thường xuyên được quy định tại các Luật chuyên ngành và Nghị định hướng dẫn của Chính phủ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác (nếu có, ngoài quy định tại điểm 2 Điều này), các cơ quan, đơn vị áp dụng quy định tại Nghị định này về trình tự, thủ tục xây dựng dự toán, phân bổ sự toán và quyết toán chi thường xuyên và thực hiện theo quy định tại các Luật chuyên ngành, Nghị định của Chính phủ về sử dụng kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”*<sup>36</sup> Do vậy, việc bổ sung quy định về áp dụng quy định pháp luật nêu trên sẽ đảm bảo tính thống nhất đồng bộ trong tổ chức thực hiện pháp luật về NSNN.

### **2.3. Quy định về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP**

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về tỷ lệ trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp Nhà nước theo hướng: doanh nghiệp Nhà nước chủ động xác định tỷ lệ trích lập Quỹ tối thiểu nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập năm nhằm đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác. Đồng thời, việc sửa đổi quy định này cũng làm giảm các ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

- Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung nội dung chi tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP: *“mua thiết bị, máy móc, nguyên vật*

<sup>36</sup> Dự thảo Nghị định kèm theo Tờ trình số 100/TTr-BTC ngày 10/5/2024 của Bộ Tài chính đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp” theo quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

- Dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại điểm i khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cho phép doanh nghiệp, trong đó bao gồm cả doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III “*Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*”; đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP “*h) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm 2023.*”; và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg “*6. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan:*

*Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để tạo điều kiện thực hiện đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo,...; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2023.*”.

- Dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại điểm k khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “*Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp “*d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nới lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp*”.

#### **2.4. Quy định về tổ chức thực hiện**

Dự thảo Nghị định quy định về hiệu lực thi hành và quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân

dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với quy định hiện hành.

Các quy định của dự thảo đảm bảo sự đồng bộ với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan./.

***Nơi nhận:***

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- VPCP: Vụ Pháp luật;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC.

**BỘ TRƯỞNG**

**Huỳnh Thành Đạt**